

UBND TỈNH TUYÊN QUANG
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **709** /STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày **25** tháng 3 năm 2024

V/v đăng tải, xin ý kiến dự thảo
Quyết định sửa đổi, bổ sung một
số điều của Quyết định số
21/2019/QĐ-UBND

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin Hội nghị tỉnh.

Căn cứ Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kỳ hệ thống hóa 2019 -2023.

Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Quyết định của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang. Để hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, Sở Tài chính trân trọng đề nghị các cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi) tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính **trước ngày 26/4/2024** để hoàn thiện dự thảo Quyết định của UBND tỉnh theo quy định.

2. Đề nghị Trung tâm Thông tin Hội nghị tỉnh (trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh): Đăng tải dự thảo Tờ trình của Sở Tài chính và dự thảo Quyết định của UBND tỉnh trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi trên hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).

Sở Tài chính trân trọng đề nghị các cơ quan phối hợp thực hiện./. β

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Văn phòng Sở (đăng tải);
- Lưu: VT; QLNS (B).

GIÁM ĐỐC



Hà Trung Kiên



Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2024

TỜ TRÌNH

**Đề nghị ban hành Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh
Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND
ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định
một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường; Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kỳ hệ thống hóa 2019 -2023, Sở Tài chính kính trình UBND tỉnh đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nội dung cụ thể như sau:

I. TÊN GỌI, TRÍCH YẾU QUYẾT ĐỊNH

Quyết định của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Hiện nay trên địa bàn tỉnh mức chi lập nhiệm vụ, dự án thực hiện theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ ban hành Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh trên cơ sở Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Trong đó nội dung lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 Phụ lục kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND căn cứ chính vào mục 1 Phụ lục 1 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017. Tuy nhiên mục 1 Phụ lục 1 Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06/01/2017 đã được sửa đổi, bổ sung

tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường. Do đó quy định về mức chi lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 phụ lục kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND không còn phù hợp với quy định về lập nhiệm vụ, dự án tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC.

Tại số thứ tự 15 phụ lục số 04 ban hành kèm theo Quyết định số 162/QĐ-UBND ngày 28/02/2024 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kỳ hệ thống hóa 2019 -2023 đã kiến nghị sửa đổi, bổ sung đối với Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Từ những nội dung trên việc đề nghị ban hành Quyết định của UBND tỉnh Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là phù hợp theo các quy định của pháp luật hiện hành và cần thiết để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG QUYẾT ĐỊNH

1. Mục đích

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc lập nhiệm vụ, dự án thực hiện các nhiệm vụ về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

2. Quan điểm:

Phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định về bảo vệ môi trường; đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm tính khả thi, phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

IV. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH QUYẾT ĐỊNH

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường.

V. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO QUYẾT ĐỊNH

Sở Tài chính đã có Công văn số .../STC-QLNS ngày ../3/2024 gửi các cơ quan có liên quan và Trung tâm thông tin hội nghị (Văn phòng UBND tỉnh) về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Quyết định và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có ... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Trung tâm thông tin hội nghị (Văn phòng UBND tỉnh) có Công văn số ... ngày ../.../2024 về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với dự thảo văn bản QPPL, kết quả từ ngày ../3/2024 đến ngày ../4/2024 có ... ý kiến đóng góp từ hệ thống.

Căn cứ ý kiến tham gia, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của UBND tỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Quyết định của UBND tỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày ../...2024.

VI. NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

1. Dự kiến dự thảo Quyết định gồm 02 Điều:

(1) Điều 1: Sửa đổi, bổ sung chi phí lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 phụ lục một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

(2) Điều 2: Điều khoản thi hành.

2. Giải trình một số nội dung tại dự thảo

Dự thảo Quyết định sửa đổi nội dung theo đúng quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC, phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 1 Thông tư số 31/2023/TT-BTC. Trong đó đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán xây dựng tỷ lệ phần trăm trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án phù hợp với mức chi đã quy định tại Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND và tỷ lệ tại Thông tư số 31/2023/TT-BTC.

VII. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không

VIII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không

Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: Dự thảo Quyết định; Biểu tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; Biểu giải trình báo cáo thẩm định.

Sở Tài chính kính trình Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT; QLNS (B).

GIÁM ĐỐC

Hà Trung Kiên

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /2024/QĐ-UBND

Tuyên Quang, ngày tháng năm 2024



QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Bảo vệ Môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 1 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 31/2023/TT-BTC ngày 25 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2017/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số .../TTr-STC ngày ... tháng ... năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung chi phí lập nhiệm vụ, dự án tại mục 1 phụ lục một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường kèm theo Quyết định số 21/2019/QĐ-UBND ngày 29 tháng 8 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc Quy định một số mức chi sự nghiệp bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang như sau:

“1. Nội dung chi lập nhiệm vụ, dự án

a) Chi phí lập nhiệm vụ, dự án gồm: Chi phí lập đề cương nhiệm vụ, dự án; chi phí thu thập, khảo sát, lấy và gia công phân tích một số mẫu phục vụ lập đề cương (theo quy trình quy phạm kỹ thuật nếu có); phân tích tư liệu, kết quả

khảo sát; lựa chọn giải pháp kỹ thuật, thiết kế phương án thi công, tính toán khối lượng công việc và lập dự toán kinh phí; họp hội đồng xét duyệt đề cương, xin ý kiến thẩm định, hoàn thiện cho đến khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

a) Đối với nhiệm vụ, dự án có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt: Dự toán chi phí được tính trên cơ sở khối lượng (x) đơn giá dự toán.

b) Đối với nhiệm vụ, dự án chưa có định mức kinh tế kỹ thuật và đơn giá dự toán: Dự toán chi phí tính theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp nhiệm vụ, dự án; mức cụ thể như sau:

Hạng mục công việc	Chi phí trực tiếp (tỷ đồng)									
	≤ 5	10	15	20	25	30	35	40	45	50
Nhiệm vụ, dự án sử dụng kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (%)	0,8	0,7	0,64	0,58	0,53	0,48	0,44	0,4	0,37	0,34

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện lớn hơn 50 tỷ đồng, thì cứ 1 tỷ đồng tăng thêm được bổ sung 0,003 của phần tăng thêm.

Đối với nhiệm vụ, dự án có chi phí thực hiện nằm trong các khoảng của hai giá trị quy định trong bảng trên được tính theo phương pháp nội suy như sau:

$$K_i = K_b - \frac{(K_b - K_a)}{G_a - G_b} \times (G_i - G_b).$$

Trong đó: K_i : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ lệ %); K_a : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ lệ %); K_b : Chi phí lập nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ lệ %); G_i : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cần tính (tỷ đồng); G_a : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận trên (tỷ đồng); G_b : Kinh phí của nhiệm vụ, dự án cận dưới (tỷ đồng).

Trong trường hợp nhiệm vụ, dự án được lập và phê duyệt thành hai bước (bước xây dựng và trình phê duyệt tổng thể dự án; bước lập và trình phê duyệt thiết kế kỹ thuật - dự toán), dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án phân bổ cho từng bước công việc do Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định trong tổng kinh phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ nêu trên.

Chi phí lập nhiệm vụ, dự án theo tỷ lệ % trên chi phí trực tiếp tại bảng số liệu nêu trên là tính cho nhiệm vụ, dự án theo quy định có tất cả các chi phí lập nhiệm vụ, dự án quy định nêu trên; do vậy khi lập dự toán chỉ tính các chi phí mà nhiệm vụ, dự án phải thực hiện, không tính tất cả các chi phí nêu trên nếu không phải thực hiện. Căn cứ vào nội dung công việc, khối lượng thực hiện, chế độ tài chính hiện hành để dự toán kinh phí lập nhiệm vụ, dự án trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Đối với các nhiệm vụ thường xuyên hàng năm (Hoạt động quan trắc; Kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; Truyền thông, tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức, ý thức, kiến thức về bảo vệ môi trường; phổ biến, tuyên truyền pháp luật về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu; tổ chức và trao giải thưởng về bảo vệ môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu cho các cá nhân, tổ chức, cộng đồng theo quy định của pháp luật; Hoạt động của Ban điều hành, Văn phòng thường trực về bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền quyết định; nhiệm vụ thường xuyên khác nếu có) và các nhiệm vụ không thường xuyên (bao gồm sửa chữa lớn, mua sắm trang thiết bị và nhiệm vụ không thường xuyên khác nếu có): Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành, trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao, không tính dự toán lập nhiệm vụ.

Trường hợp nhiệm vụ cần thiết (nếu có) được cấp có thẩm quyền phê duyệt phải có chi phí lập nhiệm vụ, được tính theo khối lượng công việc thực hiện cụ thể và chế độ chi tiêu tài chính hiện hành tương ứng với từng nội dung, khối lượng công việc.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Bộ Tài chính; Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ; các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
- Phòng Tin học, công báo - kiểm soát thủ tục hành chính, Văn phòng UBND tỉnh;
- Báo Tuyên Quang;
- Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn